TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **105**/2024/HS-ST
Ngày: 20-5-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hồng Đằng.

2. Ông Thái Minh Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 121/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

1/ **Nguyễn Thị Kim X**, sinh năm 2000, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện T, tỉnh Long An; Chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thái H và bà Võ Thị T; bị cáo có chồng là Trương Thanh K, sinh năm 2000 (đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.H, tỉnh Long An), sau đó quay lại chung sống với nhau không đăng ký kết hôn, 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 22/12/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Trần Thanh K**, sinh năm 2000, tại tỉnh Long An. Nơi cư trú: Ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thanh Q và bà Lê Thị X; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Kim X, sinh năm 2000 (đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện T.H, tỉnh Long An), sau đó quay lại chung sống với nhau không đăng ký kết hôn và 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 23/12/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ **Huỳnh Văn Đ**, sinh năm 1993, tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp B, xã BT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp T, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H và bà Huỳnh Thị C; bị cáo có vợ là Trần Thị Yến N, sinh năm 1998 và 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Về nhân thân: Tại Bản án số 42/2011/HSST ngày 12/8/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". Bị cáo Đ kháng cáo. Tại bản án số 236/2011/HSPT ngày 24/10/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999. Đến ngày 25/4/2013, Đ chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 23/12/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Thanh T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 15 giờ 20 phút ngày 16/12/2023, anh Phạm Thanh T (sinh năm 1985, ngụ tại ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai) điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đỏ, biển số 60C2-941.42 đi đến quán cà phê chòi của Nguyễn Thị Kim X tại đường Trần Văn Trà thuộc ấp B, xã P, huyện N để uống nước. Khi đến quán, anh T đề nghị X massage cho mình, X đồng ý. Lúc này, anh T đứng dậy mở cốp sau xe mô tô của mình lấy số tiền 260.000.000 đồng bỏ lên bàn uống nước để kiểm đếm nên X nảy sinh ý Đ trộm cắp số tiền của anh T. X sử dụng điện thoại di

động hiệu Iphone 13 chụp hình lại và gửi qua Zalo cho chồng là Trần Thanh K để báo cho K biết có khách nam tới quán và mang theo NHều tiền. Sau khi kiểm đếm xong, anh T cất tiền vào cốp sau xe mô tô của mình rồi cùng X vào phòng ngủ phía sau nhà để massage. Còn K sau khi nhận được tin nhắn của X thì đưa cho Huỳnh Văn Đ xem rồi K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 62E1-324.63 đến quán cà phê của X. K thấy xe mô tô của anh T đang dựng trong sân quán nên K đi đến và dùng tay cạy yên xe để lấy tiền nhưng không được nên K sử dụng điện thoại di động nhắn tin cho Huỳnh Văn Đ đến giúp mở cốp xe. Đ đồng ý và điều khiển xe mô tô hiệu Honda SH, màu đỏ, biển số 66B1-826.07 đi đến quán cà phê gặp K. Đ dùng tay kéo yên xe lên để K luồn tay vào trong cốp xe lấy tiền nhưng không được nên K dùng tay kéo yên xe còn Đ luồn tay vào lấy tiền. Sau khi lấy được tiền, K đưa cho Đ 03 cọc tiền, mỗi cọc 100 tờ có mệnh giá 500.000 đồng và 01 cọc tiền 50 tờ có mệnh giá 200.000 đồng. Đ rời đi trước, còn K giữ lấy 05 cọc tiền, mỗi cọc 100 tờ mệnh giá 200.000 đồng rồi nhắn tin cho X biết đã lấy được tiền và gọi X ra ngoài để bỏ trốn. X đi ra cổng và lên xe mô tô K đang chờ sẵn, K điều khiển xe chở X bỏ chạy. Lúc này anh T thấy bất thường nên kiểm tra thì phát hiện bị mất số tiền trên liền đuổi theo và tri hô "trộm, trộm" nhưng không đuổi kịp. Sau đó, anh T đến Công an xã P trình báo sự việc trên. Lúc này, K điều khiển xe chở theo X chạy về phòng trọ thu dọn hành lý rồi điều khiển xe theo hướng Phà Cát Lái đi thành phố Hồ Chí Minh, trên đường đi K gọi điện thoại hẹn Đ gặp nhau ở thành phố Hồ Chí Minh để chia tiền. Khi đi qua phà Cát Lái, K và X dừng lại chờ Đ. Còn Đ, sau khi trộm được tiền, Đ về phòng trọ chở vợ là Trần Thị Yến NH đi về quê tại tỉnh Đồng Tháp. Đ chở NH đến điểm hẹn gặp K rồi cùng thuê nhà nghỉ tại khu vực Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Tại nhà nghỉ, K, X và Đ cùng kiểm đếm tiền, K chia cho Đ 110.000.000 đồng, K và X giữ 150.000.000 đồng. Đến 20 giờ cùng ngày, cả nhóm cùng đi mua vàng (không nhớ tên tiệm vàng) tại thành phố Hồ Chí Minh. K và X mua 2,1 lượng vàng còn lại khoảng 20.000.000 đồng tiền mặt, Đ mua 01 lượng vàng còn lại khoảng 40.000.000 đồng tiền mặt. Khoảng 14 giờ ngày 17/12/2023, K chở X về huyện T.H, tỉnh Long An, Đ chở NH về tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22/12/2023, Nguyễn Thị Kim X đến Công an xã Bắc Hòa, huyện T.H, tỉnh Long An đầu thú.

Ngày 23/12/2023, Trần Thanh K đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đầu thú.

Ngày 23/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thực hiện việc bắt giữ khẩn cấp đối với Huỳnh Văn Đ để xử lý.

* Tang vật thu giữ:

Thu giữ của Nguyễn Thị Kim X

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, gắn sim số 0826.592.596;

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 62E1-324.63;

- 01 áo khoác màu xanh; 01 quần dài; 01 đôi dép quai màu đen.

Thu giữ của Trần Thanh K

- 18 chỉ vàng loại 999.9; số tiền 5.000.000 đồng;

- 01 áo sơ mi dài tay sọc kẻ màu vàng đen; 01 quần dài màu den; 01 nón lưỡi trai màu xám; 01 nón bảo hiểm màu trắng đen; 01 đôi dép quai màu đen.

Thu giữ của Huỳnh Văn Đ

- 10 chỉ vàng loại 999.9; số tiền 40.000.000 đồng;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo A77S màu đen, gắn sim số 0385.055.030;

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH, màu đỏ, biển số 66B1-826.07.

Ông Trần Thanh Q (cha ruột bị can K) giao nộp số tiền 46.300.000 đồng để khắc phục hậu quả cho K và X.

* Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Toà tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 áo khoác màu xanh; 01 quần dài; 01 đôi dép quai màu đen của Nguyễn Thị Kim X; 01 áo sơ mi dài tay sọc kẻ màu vàng đen; 01 quần dài màu den; 01 nón lưỡi trai màu xám; 01 nón bảo hiểm màu trắng đen; 01 đôi dép quai màu đen của Trần Thanh K.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 62E1-324.63 của X; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A77S màu đen của Đ do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Đối với 28 chỉ vàng loại 999.9 và số tiền 91.300.000 đồng Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Thanh T.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH, màu đỏ, biển số 66B1-826.07 của chị Trần Thị Yến NH (vợ bị can Đ), chị NH không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị NH.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Thanh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, các bị cáo X, K và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 132/CT.VKS-NT ngày 03/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kim X, Trần Thanh K, Huỳnh Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim X từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh K từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Toà tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 áo khoác màu xanh; 01 quần dài; 01 đôi dép quai màu đen của Nguyễn Thị Kim X; 01 áo sơ mi dài tay sọc kẻ màu vàng đen; 01 quần dài màu den; 01 nón lưỡi trai màu xám; 01 nón bảo hiểm màu trắng đen; 01 đôi dép quai màu đen của Trần Thanh K.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 62E1-324.63 của X; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A77S màu đen của Đ do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Đối với 28 chỉ vàng loại 999.9 và số tiền 91.300.000 đồng Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Phạm Thanh T.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH, màu đỏ, biển số 66B1-826.07 của chị Trần Thị Yến NH (vợ bị can Đ), chị NH không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị NH.

* Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Thanh T đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường thêm và có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên không xét.

Tại phiên tòa, các bị cáo X, Khanh và Đ không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Phạm Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy NHên, anh T đã có lời khai tại hồ sơ và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể:

Vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 16/12/2023 tại quán cà phê thuộc ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thị Kim X, Trần Thanh K và Huỳnh Văn Đ đã cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là số tiền 260.000.000 đồng của anh Phạm Thanh T thì bị phát hiện xử lý.

Như vậy, hành vi của các bị cáo X, K, Đ đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Điều đó chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, xét thấy cần xét xử nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy NHên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, tổ chức chặt chẽ với nhau.

Bị cáo X là người rủ rê đồng phạm thực hiện việc trộm cắp tài sản.

Bị cáo K và Đ là người trực tiếp thực hiện việc trộm cắp số tiền 260.000.000 đồng.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo X và Khanh có nhân thân tốt, sau khi phạm tội tự nguyện ra đầu thú, bị cáo X có ông ngoại là người có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo Đ có nhân thân xấu về tội " Cướp giật tài sản".

Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết trên để lượng hình đối với các bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường thỏa đáng và không yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về biện pháp tư pháp: Hội đồng xét xử tịch xét thấy cần: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Toà tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 áo khoác màu xanh; 01 quần dài; 01 đôi dép quai màu đen của Nguyễn Thị Kim X; 01 áo sơ mi dài tay sọc kẻ màu vàng đen; 01 quần dài màu den; 01 nón lưỡi trai màu xám; 01 nón bảo hiểm màu trắng đen; 01 đôi dép quai màu đen của Trần Thanh K.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 62E1-324.63 của X; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A77S màu đen của Đ là những công cụ, phương tiện do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Đối với 28 chỉ vàng loại 999.9 và số tiền 91.300.000 đồng Cơ quan điều tra đã giao trả cho anh Phạm Thanh T là phù hợp.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Honda SH, màu đỏ, biển số 66B1-826.07 của chị Trần Thị Yến NH (vợ bị cáo Đ), chị NH không biết Đ sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả cho chị NH là phù hợp.

Về trách NHêm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì nên không xét.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38; Điều 17 đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim X và Trần Thanh K;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Huỳnh Văn Đ;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Kim X, Trần Thanh K, Huỳnh Văn Đ phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim X 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2023.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh K 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2023.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn Đ 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 23/12/2023.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 áo khoác màu xanh; 01 quần dài; 01 đôi dép quai màu đen của Nguyễn Thị Kim X; 01 áo sơ mi dài tay sọc kẻ màu vàng đen; 01 quần dài màu den; 01 nón lưỡi trai màu xám; 01 nón bảo hiểm màu trắng đen; 01 đôi dép quai màu đen của Trần Thanh K.

- Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13, 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu xanh, biển số 62E1-324.63 của X; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A77S màu đen của Đ là các công cụ, phương tiện do các bị cáo dùng vào việc phạm tội.

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/5/2024)

4. Về án phí: Mỗi bị cáo X, K, Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Thu Trang